

THIỆT HẠI DO LŨ QUÉT GÂY RA NĂM 2006

LOẠI THIẾT HẠI	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	Sơn La	Tuyên	Bắc Cạn	Sin Hồ, Lai Châu	Đại Từ, Thái Nguyên	Bắc Mê, Hà Giang,	Lũ quét MN phía bắc 17/7	Lũ quét MN	Bình Thuận	TỔNG SỐ
			7/4	Quang 13-14/5	25/5	30/6	25, 14, 18/6	9/7	13-20/8	16/9		
	Số văn bản B/C của tỉnh		1/CLB	673/CLB	426/CLB	38/UBND	11/CLB	562/CLB			99/CLB	
	Ngày báo cáo		10/4/06	15/5	30/5	07/03	30/6	07/10			16/9/2006	
NGƯỜI	Số người chết	Người	1		2	6	1	3	11	47		71
	+ Trong đó trẻ em	Người							0	5		5
	Số người bị thương	Người	9					3	5	15		32
	Số người bị mất tích								2	4		6
	Số huyện bị ảnh hưởng	Huyện							0	0		0
	Số xã bị ảnh hưởng	Xã							0	127		127
	Số hộ bị ảnh hưởng	Xã							0	0		0
	+ Số hộ phải di dời	Hộ			10				976	6,115		7,101
	+ Trong đó mất hết tài sản	Hộ							0	0		0
	+ Số hộ cần cứu trợ	Hộ							0	6,944		6,944
	Số người bị ảnh hưởng	người							0	0		0
	+ Trong đó mất hết tài sản	người							0	0		0
	+ Số người cần cứu trợ	người							0	31,583		31,583
									0	0		0
NHÀ CỬA	Tổng số nhà đổ, trôi	Cái	8			13		7	27	444		499
	+ Trong đó nhà ngói	Cái							0	0		0
	Tổng số nhà ngập, hư hại	Cái	1480	2	10	30		17	1,602	12,091	3,662	18,894
	+ Trong đó nhà ngói	Cái							0	0		0
TRƯỜNG HỌC	Trường học đổ, trôi	Phòng							0	0		0
	Trường học hư hại	Phòng		25					6	160		191
BỆNH VIỆN	BV, BX đổ, trôi	Cái							0	0		0
	BV, BX hư hại	Cái							0	8		8
CÔNG TRÌNH	Kho bị đổ, trôi	Cái							0	0		0
KHÁC	Kho bị hư hại	Cái							0	0		0
	Trụ sở cơ quan, công trình công cộng... đổ, trôi	Cái							0	1		1
	Trụ sở cơ quan, công trình công cộng... ngập, hư hại	Cái							0	19		19
	Công trình phụ hư hại	Cái							0	12		12
	Tường rào đổ	m							0	801		801
	Ước tính thành tiền	Tr							0	400		400
									0	0		0

LOẠI THIẾT HẠI	HẠNG MỤC	Sơn La		Tuyên Quang 13-14/5	Bắc Cạn 25/5	Sìn Hồ, Lai Châu 30/6	Đại Từ, Thái Nguyên 25, 14, 18/6	Bắc Mê, Hà Giang, 9/7	Lũ quét MN phía bắc 17/7	Lũ quét MN 13-20/8	Bình Thuận 16/9	TỔNG SỐ
		ĐƠN VỊ	7/4									
NÔNG NGHIỆP	Tổng diện tích lúa ngập, hư hại	Ha	111		549.91			22	6,401	60,656	1,050	68,790
	+ Thiệt hại nặng	Ha							0	2,150		2,150
	+ Diện tích mất trắng	Ha			56.6				163	17,718		17,938
	Tổng diện tích hoa màu bị ngập	Ha	350		355.14				1,179	10,979	5	12,867
	+ Thiệt hại nặng	Ha							0	0		0
	+ Diện tích mất trắng	Ha			88.32				0	317		405
	Mạ bị ngập	Ha					0.5		0	0		1
	+ Diện tích mất trắng	Ha					0.5		0	0		1
	Lương thực ướt, mất	Tấn							0	3,175	13	3,188
	Giống ướt, mất	Tấn							0	0		0
	DT cây công nghiệp bị mất trắng	Ha				1.8			0	0		2
	DT cây công nghiệp hư hại	Ha							0	3,148		3,148
	Diện tích mía bị hư hại	Ha							0	642		642
	DT Rừng trồng bị hư hại	Ha							0	0		0
	Cây đổ	Cây							0	0		0
	DT cây ăn quả hư hại	ha							0	97		97
	+ Trong đó đã bị chết	ha							0	0		0
	Trâu bò chết	Con	68				4	3	2	17		94
	Lợn, dê chết	con	10					18	0	46		74
	Gia cầm chết	Con	664						0	5,024		5,688
	Ước tính thành tiền	Tr							0	25,690		25,690
								0	0		0	
THỦY LỢI	Khối lượng đất sạt, trôi, bồi lấp	m3							41,080	274,208		315,288
	+ Trong đó dê trung ương	m3							0	0		0
	+ Đê địa phương	m3							0	0		0
	+ Kênh mương, hồ đập	m3							0	0		0
	+ Đê nuôi trồng thủy sản	m3							0	0		0
	Đá sạt, trôi	m3							0	756		756
	+ Trong đó dê điều	m3							0	0		0
	+ kênh mương, hồ, đập	m3				350			0	0		350
	Đê bị sạt	m							0	207		207
	+ Trong đó dê trung ương	m							0	0		0
	Kè sạt	m				120			700	50		870
	Kênh mương sạt lở	m	5000			50			1,515	86,018		92,583
	Số lượng cống dưới đê bị vỡ, trôi	Cái							0	19		19
	Số C.T thủy lợi nhỏ vỡ, trôi	Cái							2	7		9

LOẠI THIẾT HẠI	HẠNG MỤC	Sơn La		Tuyên Quang 13-14/5	Bắc Cạn 25/5	Sìn Hồ, Lai Châu 30/6	Đại Từ, Thái Nguyên 25, 14, 18/6	Bắc Mê, Hà Giang, 9/7	Lũ quét MNphía bắc 17/7	Lũ quét MN 13-20/8	Bình Thuận 16/9	TỔNG SỐ
		ĐƠN VỊ	7/4									
	Số C.T thủy lợi nhỏ bị hư hại	Cái							15	24		39
	Số phai tạm bị trôi	Cái	1				32		140	52		225
	Số trạm, máy bơm ngập	Cái							18	0		18
	Ước tính thành tiền	Tr							0	2,150		2,150
									0	0		0
GIAO THÔNG	Khối lượng đất sạt, trôi, bồi lấp	m3	3500		2989				11800	349,220	222,129	589,638
	+ Trong đó quốc lộ	m3							0	0		0
	+ Đường nội tỉnh	m3							0	0		0
	Khối lượng đá sạt, trôi	m3							0	0		0
	+ Trong đó quốc lộ	m3							0	0		0
	+ Đường nội tỉnh	m3							0	0		0
	Số cầu cống sập, trôi	Cái			2			1	5	42		50
	Số cầu cống hư hại	Cái			4		3		3	106		116
	Ngâm tràn bị hỏng	Cái							1	1		2
	Phà, ca nô bị trôi	Cái							0	0		0
	Tàu vận tải chìm, mất	Cái							0	0		0
	Ô tô bị hỏng, trôi	Cái							0	0		0
	Chiều dài đường bị hư hại	Km							2	18,966	19	18,988
	+ Trong đó quốc lộ	Km							0	9		9
	+ Đường nội tỉnh	Km							1	282		283
	DT mặt đường hỏng	m2							0	37,460		37,460
	Ước tính thành tiền	Tr							0	6,035		6,035
									0	0		0
THỦY SẢN	Diện tích ao, hồ nuôi tôm cá vỡ	ha	52.4						0	5,533		5,585
	Lồng cá bị trôi	Cái							0	0		0
	Cá, tôm bị mất	Tấn							0	0		0
	Tàu thuyền chìm mất	Chiếc							0	0		0
	Tàu thuyền hư hại	Chiếc							0	0		0
	Bè, mảng hư hỏng	Chiếc							0	0		0
	Ước tính thành tiền	Tr							0	0		0
									0	0		0
TTL.LẠC	Cột thông tin đổ	Cột			25				0	0	10	35
	Dây thông tin đứt	m							0	0		0
	Tổng đài hư hại	Cái							1	0		1
	Ước tính thành tiền	Tr							0	0		0
									0	0		0

LOẠI THIẾT HẠI	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	Sơn La	Tuyên	Sin Hồ,	Đại Từ,	Bắc Mê,	Lũ quét MNphía bắc 17/7	Lũ quét MN 13-20/8	Bình	TỔNG SỐ	
			7/4	Quang 13-14/5	Lai Châu 30/6	Thái Nguyên 25, 14, 18/6	Hà Giang, 9/7			Thuận 16/9		
NĂNG LƯỢNG	Cột điện cao thế đổ, gãy	Cột						0	2		2	
	Cột điện hạ thế đổ, gãy	Cột	7		8			26	15		56	
	Dây điện đứt	m						0	150		150	
	Mô tơ, động cơ hỏng	Cái						0	0		0	
	Công tơ hỏng	Cái						0	0		0	
	CT thủy điện nhỏ hư hại	Cái						21	0		21	
	Trạm biến áp hỏng	Cái						0	1		1	
	Máy biến áp hỏng	Cái						0	0		0	
	Ước tính thành tiền	Tr							0	0		0
									0	0		0
VẬT TƯ	Xi măng ướt	Tấn						0	0		0	
	Muối ướt mất	Tấn						0	0		0	
	Bàn ghế học sinh gãy, hỏng	Bộ						0	0		0	
	Đồ dùng học tập hư hỏng	Tấn						0	0		0	
	Giấy ướt hỏng	Tấn						0	0		0	
	Sách, vở học sinh ướt, mất	Bộ						0	0		0	
	Klanh ke ướt	Tấn						0	0		0	
	Gạch mộc hỏng	Viên						0	1,300,000		1,300,000	
	Than bị trôi	Tấn						0	0		0	
	Cói bị hỏng	Tấn						0	0		0	
	Đạm, lân ướt	Tấn						0	0	6	6	
	Ước tính thiệt hại	Tr đ							0	0		0
								0	0		0	
Ước tổng thiệt hại	Tr đ		1,936		9,500		1,268	1,500	16,000	374,661	450	405,315